**25 CÂU TRẮC NGHIỆM GIỮA HỌC KÌ II TIN 8**

**Em hãy lựa chọn chỉ một chữ cái trước câu trả lời đúng nhất.** *(Mỗi câu 0,4 điểm)*

**Câu 1**.Các thành phần chính trên màn hình Desktop bao gồm

A.shortcut, nút Start. B. shortcut, nút Start, My Computer.

C.shortcut, nút Start, thanh Taskbar. D. shortcut, nút Start, My Document.

**Câu 2**.Em sử dụng phần mềm soạn thảo văn bản để gõ một bài thơ và lưu trên máy tính. Kết quả em nhận được gọi là

A. văn bản. B. trang. C. bài văn. D. chương trình.

**Câu 3**.Từ nào sau đây đúng khi gõ từ “trường học” bằng kiểu Telex?

A. tru7o72ng ho5c. B. truwowfng hojc. C. trwowfng hojc. D. Cả B, C đúng.

**Câu 4**.Có thể gõ chữ Việt bằng bàn phím theo kiểu nào dưới đây?

A. Có thể gõ được theo cả hai kiểu Telex và Vni. B. Chỉ gõ được kiểu Vni.

C. Chỉ gõ được kiểu Telex. D. Kiểu tự định nghĩa.

**Câu 5**.Khi gõ văn bản, em muốn xuống dòng ta phải?

A. Nhấn phím Insert. B. Nhấn phím Home.

C. Nhấn phím End. D. Nhấn phím Enter.

**Câu 6**.Để mở một văn bản mới, thao tác nào sau đây **sai**?

A. nháy vào biểu tượng New trên thanh công cụ. B. vào File/chọn Save.

C. nhấn tổ hợp phím Ctrl + N. D. vào File/chọn New.

**Câu 7**.Để mở một văn bản có sẵn trong máy tính em thực hiện thao tác nào?

A. Nháy nút lệnh **Save** . B. Nháy nút lệnh **New.**

C. Nháy nút lệnh **Open** . D. Nháy nút lệnh **Print Preview** .

**Câu 8**.Để đóng tệp văn bản trên máy tính, em sử dụng nút lệnh nào dưới đây?

A. File/chọn Save. B. File/ chọn Close.

C. File/ chọn Open. D. File/ chọn New.

**Câu 9**.Để ghi tệp ra bộ nhớ ngoài, thao tác nào sau đây **sai**?

A. vào File/ chọn Save. B. nhấn phím Insert.

C. nháy chuột vào nút lệnh Save  trên thanh công cụ. D. nhấn tổ hợp phím Ctrl + S.

**Câu 10.** Để xem trước khi in,ta thực hiện

A. vào File/ chọn Open. B. vào File/ chọn Print.

C. vào File/ chọn Print Preview. D. vào File/ chọn Save As.

**Câu 11**.Để chèn kí tự đặc biệt vào văn bản, ta thực hiện thao tác nào?

A. Insert/ chọn Symbol. B. Insert/ chọn Table.

C. Insert/ chọn Picture. D. Insert/ chọn Page Number.

**Câu 12**.Tác dụng lần lượt của các nút lệnh  là

A. chữ đậm, chữ nghiêng, chữ gạch chân. B. chữ nghiêng, chữ đậm, chữ gạch chân.

C. chữ gạch chân, chữ nghiêng, chữ đậm. D. chữ đậm, chữ gạch chân, chữ nghiêng.

**Câu 13.** Chữ cái, chữ số hay kí hiệu em gõ bằng bàn phím được gọi là

A. kí tự. B. phông chữ. C. chữ. D. số.

**Câu 14.** Muốn tăng khoảng cách thụt lề cho đoạn văn bản, ta dùng nút lệnh

A. . B. . C. . D. .

**Câu 15.** Muốn giảm khoảng cách thụt lề cho đoạn văn bản, ta dùng nút lệnh

A. . B. . C. . D. .

**Câu 16*.*** Để trình bày văn bản theo cột, ta thực hiện lệnh

A. Insert / Column B. Layout / Columns. C. Insert / Tables. D. Layout / Drop Cap.

**Câu 17**.Trong soạn thảo văn bản các dấu **; : ! ?** được đặt như thế nào?

A. Cách từ trước và sau nó một dấu cách. B. Sát với từ trước nó;

C. Sát với từ sau nó. D. Không có quy định nào.

**Câu 18**.Khẳng định nào sau đây là **sai**?

Để di chuyển khối văn bản, ta chọn phần văn bản muốn di chuyển, rồi thực hiện thao tác

A. kích phải chuột chọn Copy → Kích phải chuột chọn Paste.

B. kích phải chuột chọn Cut → Kích phải chuột chọn Paste.

C. nhấn tổ hợp phím Ctrl + X → Nhấn tổ hợp phím Ctrl + V.

D. vào menu Home, chọn biểu tượng  → menu Home, chọn biểu tượng.

**Câu 19**.Khẳng định nào sau đây là **đúng**?

Để sao chép khối văn bản, ta chọn phần văn bản muốn sao chép, rồi thực hiện thao tác:

A. kích phải chuột chọn Copy → Kích phải chuột chọn Paste.

B. kích phải chuột chọn Cut → Kích phải chuột chọn Paste.

C. nhấn tổ hợp phím Ctrl + X → Nhấn tổ hợp phím Ctrl + V.

D. vào menu Home, chọn biểu tượng  → menu Home, chọn biểu tượng.

**Câu 20.** Các nút lệnh  lần lượt có chức năng

A. In nghiêng, gạch chân và căn thẳng lề trái. B. In đậm, gạch chân và căn thẳng lề trái.

C. In nghiêng, gạch chân và căn thẳng lề phải. D. In đậm, gạch chân và căn thẳng hai lề. ‘

**Câu 21**.Tác dụng lần lượt của các nút lệnh  là

A. căn thẳng lề phải, căn thẳng lề trái, căn giữa, căn thẳng hai lề.

B. căn thẳng lề phải, căn giữa, căn thẳng lề trái, căn thẳng hai lề.

C. căn thẳng lề trái, căn giữa, căn thẳng lề phải, căn thẳng hai lề.

D. căn thẳng hai lề, căn thẳng lề phải, căn thẳng lề trái, căn giữa.

**Câu 22.** Nếu đèn Caps Lock không sáng, em nhấn và giữ phím nào sau đây trong khi gõ phím chữ để được chữ in hoa?

A. Enter. B. Tab. C. Ctrl. D. Shift.

**Câu 23.** Sau khi bôi đen một đoạn văn bản có kiểu chữ bình thường (không đậm, không nghiêng, không gạch chân), em nhấn lần lượt các biểu tượng  thì đoạn văn bản được chọn có kiểu chữ

A. vừa đậm, vừa gạch chân.

B. đậm, không nghiêng

C. vừa nghiêng, vừa gạch chân.

D. không nghiêng, không gạch chân.

**Câu 24.** Sau khi bôi đen một đoạn văn bản có kiểu chữ in nghiêng, em nhấn lần lượt các biểu tượng  thì đoạn văn bản được chọn có kiểu chữ

A. nghiêng, không gạch chân.

B. vừa nghiêng, vừa gạch chân.

C. nghiêng.

D. không nghiêng, gạch chân.

**Câu 25.** Để tạo chữ cái lớn đầu văn bản, ta thực hiện lệnh

A. Insert / Column B. Insert / Pictures. C. Insert / Tables. D. Insert / Drop Cap.

**Đáp án**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 |
| **Đáp án** | C | A | D | A | D | B | C | B | B | C | A | A | A |
| **Câu** | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 | 22 | 23 | 24 | 25 |  |
| **Đáp án** | D | C | B | B | A | A | A | C | D | C | D | D |  |